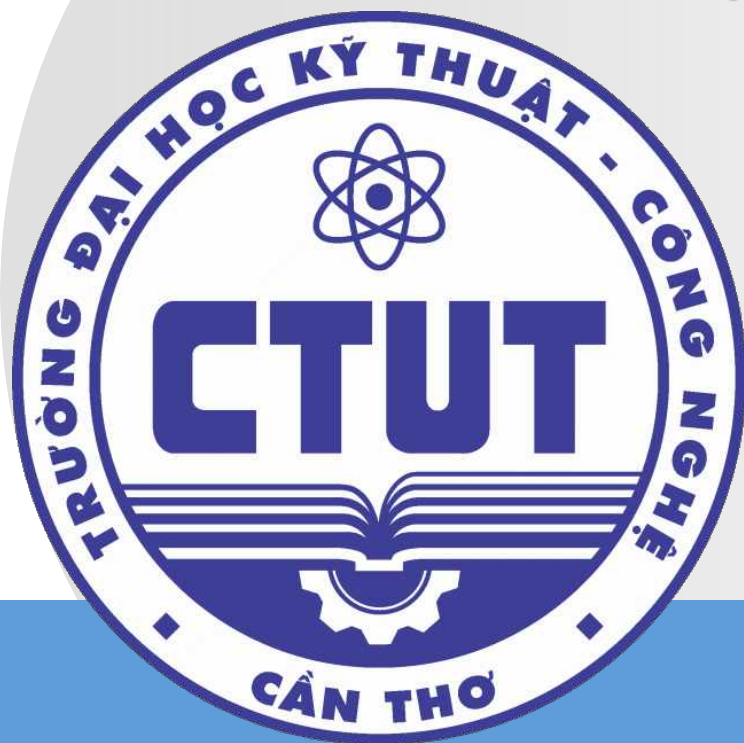


TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

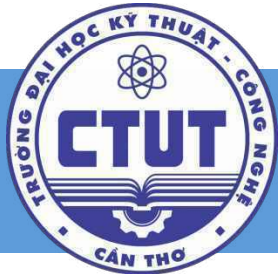


**NỘI DUNG SINH HOẠT**  
*Khóa 2024*

Địa chỉ truy cập:

<http://pdaotao.ctuet.edu.vn>

*Cần Thơ, tháng 8 năm 2024*



# THÔNG TIN LIÊN LẠC PHÒNG ĐÀO TẠO

Điện thoại: 0292.3898167

**1. Trưởng phòng: Tiến sĩ Nguyễn Minh Tuấn**

Điện thoại: 0913185666; Email: [nmtuan@ctuet.edu.vn](mailto:nmtuan@ctuet.edu.vn)

**2. Phó Trưởng phòng: Thạc sĩ Diệp Bình Nguyên**

Điện thoại: 0919112696; Email: [dbnguyen@ctuet.edu.vn](mailto:dbnguyen@ctuet.edu.vn)

**3. Giảng viên kiêm nhiệm: Tiến sĩ Cao Thị Bé Oanh**

Điện thoại: 0907001507; Email: [ctboanh@ctuet.edu.vn](mailto:ctboanh@ctuet.edu.vn)

**4. Giảng viên kiêm nhiệm: Thạc sĩ Huỳnh Thị Sĩa**

Điện thoại: 0963822360; Email: [htsua@ctuet.edu.vn](mailto:htsua@ctuet.edu.vn)

**5. Giảng viên kiêm nhiệm: Thạc sĩ Nguyễn Phan Tú**

Điện thoại: 0367128487; Email: [nptu@ctuet.edu.vn](mailto:nptu@ctuet.edu.vn)

**6. Chuyên viên: Cao học Nguyễn Bình Trọng**

Điện thoại: 0966527537; Email: [nbtrong@ctuet.edu.vn](mailto:nbtrong@ctuet.edu.vn)

**7. Giảng viên kiêm nhiệm: : Thạc sĩ Lê Huỳnh Nhật Đăng**

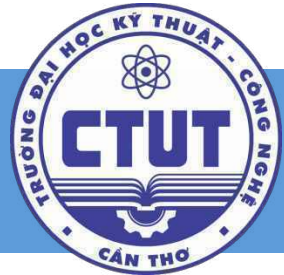
Điện thoại: 0907120010; Email: [lhndang@ctuet.edu.vn](mailto:lhndang@ctuet.edu.vn)

**8. Chuyên viên : Cao học Lương Phạm Hoàng Long**

Điện thoại: 0975022333; Email: [lpplong@ctuet.edu.vn](mailto:lpplong@ctuet.edu.vn)

**9. Giảng viên kiêm nhiệm: Thạc sĩ Ngô Thị Mỹ Hạnh**

Điện thoại: 0973813470; Email: [ntmhanh@ctuet.edu.vn](mailto:ntmhanh@ctuet.edu.vn)



# NỘI DUNG TRÌNH BÀY

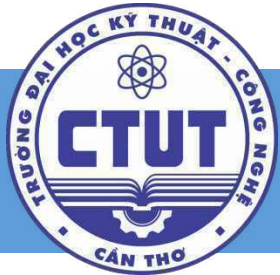
**Phần 1.** Quy định đào tạo trình độ đại học

**Phần 2.** Quy định làm Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn tốt nghiệp

**Phần 3.** Chuẩn đầu ra "Quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin"

**Phần 4.** Hạng tốt nghiệp, thời gian trao bằng

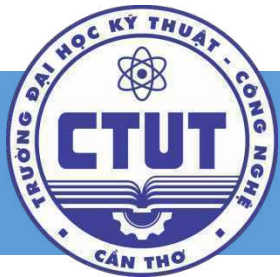
**Phần 5.** Giới thiệu sử dụng phần mềm.



# **Phần 1**

# **Quy định đào tạo**

# **trình độ đại học**



# QUY CHẾ HỌC VỤ

Truy cập: [www.ctuet.edu.vn](http://www.ctuet.edu.vn) -> Các phòng chức năng -> Phòng Đào tạo -> Quy chế học vụ

## TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Phương thức xét tuyển

- Xét kết quả học bạ
- Xét kết quả thi THPT
- Tuyển thẳng
- Xét kết quả kỳ thi năng lực Đại học QG TP.HCM

Học phí Trường Công lập  
Học bổng khuyến khích, khuyến tài  
Giới thiệu việc làm hoàn toàn

Click đăng ký

Mã trường KCC

### Cổng thông tin

- Sinh viên, phụ huynh
- Viên chức, giảng viên
- Dạy học trực tuyến
- Thư viện trường
- Đoàn thanh niên

### Các phòng chức năng

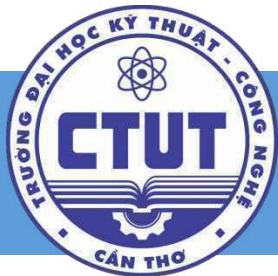
- Phòng Đào tạo
- Đảm bảo chất lượng – Khảo thí
- Công tác chính trị - QLSV
- Tổ chức - Hành chính
- Quản trị - Thiết bị
- Tài chính – Kế toán

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

# PHÒNG ĐÀO TẠO

[Trang chủ](#) | [Giới thiệu](#) | [Thông báo](#) | [Tốt nghiệp](#) | [Luận văn - Tiểu luận](#) | [Chương trình đào tạo](#) | [Quy chế học vụ](#) | [Quy trình - Biểu mẫu](#) | [Khảo sát](#)





# QUY CHẾ HỌC VỤ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



Trang chủ | Giới thiệu ▾ | Thông báo | Tốt nghiệp ▾ | Luận văn - Tiểu luận ▾ | Chương trình đào tạo | Quy chế học vụ | Quy trình - Biểu mẫu | Khảo sát

## QUY CHẾ HỌC VỤ

Quy định thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp

Ngày đăng:

Quy chế đào tạo trình độ đại học

Ngày đăng:

Quy định Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin

Ngày đăng:

## ĐĂNG NHẬP

Mã sinh viên:

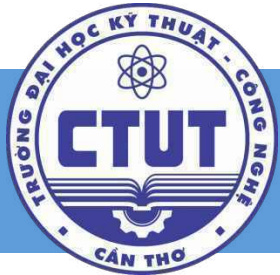
Mật khẩu:

Mã bảo vệ:

RayP



Đăng Nhập



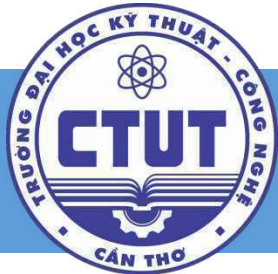
# KHỞI KIẾN THỨC

**1. Giáo dục đại cương**

**2. Giáo dục chuyên nghiệp**

Gồm:

- + Kiến thức cơ sở;
- + Kiến thức ngành chính.



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA

(Ban hành theo quyết định số: /QĐ-DHKTCN ngày tháng năm ...  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

#### 1. Thông tin về cơ sở đào tạo

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ
- Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, An Hoà, Ninh Kiều, Cần Thơ

#### 2. Thông tin về văn bằng

- Tên văn bằng tiếng Việt: Kỹ sư công nghệ sinh học
- Tên văn bằng tiếng Anh: the degree of engineer in biotechnology
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

#### 3. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Công nghệ sinh học
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Biotechnology
- Mã số ngành đào tạo: 7420201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: chính quy
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ sinh học - Công nghệ hóa học - Công nghệ thực phẩm

#### 4. Thời gian đào tạo: 4,5 năm

#### 5. Mục tiêu

##### 5.1. Mục tiêu chung

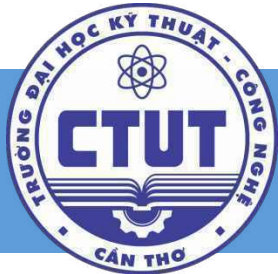
Chương trình đào tạo được thiết kế với mục tiêu đào tạo kỹ sư công nghệ sinh học có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm, tác phong văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề; góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước; đáp ứng nhu cầu hội nhập của quá trình phát triển kinh tế đất nước.

##### 5.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

Mục tiêu 1 (MT1): Có kiến thức lý luận chính trị cơ bản như Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.





Mục tiêu 2 (MT2): Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên như Toán, Lý, Hóa, Sinh và Tin học ứng dụng vào các hoạt động khoa học cơ bản và ứng dụng trong các hoạt động sản xuất và nghiên cứu thường gặp.

Mục tiêu 3 (MT3): Xác định vấn đề và hướng giải quyết vấn đề kỹ thuật liên quan đến Công nghệ sinh học, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp, môi trường và thực phẩm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ứng dụng công nghệ và thiết bị công nghệ sinh học.

Mục tiêu 4 (MT4): Tiến hành các phương pháp nghiên cứu khoa học về công nghệ sinh học, lập kế hoạch, phân tích và giải thích các số liệu nhằm tạo tiền đề cho việc nghiên cứu trong các lĩnh vực chuyên ngành và học tập nâng cao.

- Về kỹ năng

Mục tiêu 5 (MT5): Thực hiện quản lý và vận hành các trang thiết bị, hệ thống và thiết kế, cải tiến qui trình công nghệ sinh học theo yêu cầu, cũng như tiếp cận và áp dụng các qui trình công nghệ sinh học tiên tiến trên thế giới.

Mục tiêu 6 (MT6): Vận dụng các hệ thống quản lý chất lượng, các quy phạm pháp luật và các nguyên tắc về an toàn trong Công nghệ sinh học đối với các lĩnh vực ứng dụng như nông nghiệp, môi trường, thực phẩm,...

Mục tiêu 7 (MT7): Lập kế hoạch và thực hiện các thí nghiệm, nghiên cứu về sinh học ứng dụng, phân tích và xử lý dữ liệu; phát triển sản phẩm Công nghệ sinh học mới đáp ứng nhu cầu xã hội.

Mục tiêu 8 (MT8): Tư duy sáng tạo, phương pháp làm việc khoa học, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp hiệu quả, báo cáo và thuyết trình ý tưởng.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

Mục tiêu 9 (MT9): Có tinh chuyên nghiệp trong sinh hoạt và làm việc như tác phong công nghiệp, làm việc có kế hoạch, khoa học; có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm; có tinh thần không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; yêu nước, yêu ngành nghề; làm việc theo pháp luật và có ý thức bảo vệ môi trường.

## **6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Chương trình được thiết kế, xây dựng đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra sau:

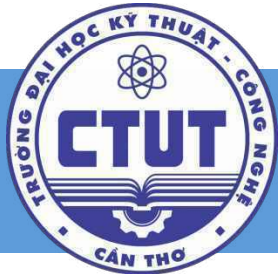
### **6.1. Về kiến thức**

PLO1. Khái quát hóa được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, các vấn đề cơ bản về Quốc phòng và pháp luật.

PLO2. Áp dụng toán học và khoa học cơ bản vào các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

PLO3. Áp dụng kiến thức về di truyền, sinh hóa, vi sinh vật, sinh học phân tử, sinh học tế bào vào các lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học như thực phẩm, nông nghiệp và môi trường.

PLO4. Thiết kế và thao tác các thí nghiệm, phân tích và giải thích số liệu thí nghiệm trong lĩnh vực công nghệ sinh học.



PLO5. Vận hành các quá trình và thiết bị công nghệ sinh học.

PLO6. Phân tích những tác động của những giải pháp kỹ thuật đến xã hội và môi trường trong bối cảnh toàn cầu.

PLO7. Áp dụng công nghệ thông tin và thiết bị kỹ thuật hiện đại cần thiết cho nghiên cứu và thực tiễn sản xuất.

PLO8. Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.

## 6.2. Về kỹ năng

PLO9. Nhận diện và giải quyết các vấn đề kỹ thuật và các vấn đề xã hội.

PLO10. Tham gia làm việc nhóm một cách tích cực và hiệu quả.

PLO11. Thể hiện khả năng giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc, bao gồm giao tiếp nói, viết và các dạng khác.

PLO12. Thể hiện khả năng phản biện, phê phán phù hợp ở nơi làm việc.

PLO13. Có năng lực ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn đầu ra của Nhà trường.

## 6.3 Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO14. Thể hiện tính chuyên nghiệp trong sinh hoạt và tác phong công nghiệp, làm việc có kế hoạch và khoa học.

PLO15. Thể hiện tinh thần hợp tác cao trong công việc, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

PLO16. Tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan làm việc sau khi tốt nghiệp.

PLO17. Thể hiện ý chí cầu tiến, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

## 7. Cấu trúc chương trình dạy học

### 7.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

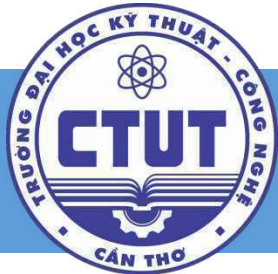
Tổng số tín chỉ: 150 TC, trong đó:

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 126

Tổng số tín chỉ tự chọn: 24

### 7.2. Lượng tín chỉ phân bổ cho khối kiến thức ngành và kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

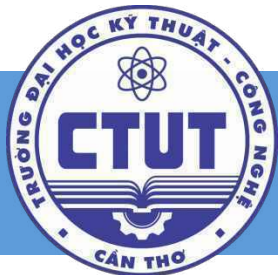
TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>									
1	CB010	Hóa học 2	1	2	2		30		CB031 (b)
2	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
3	CB031	TT. Hóa học 2	1	1	1			30	CB010 (b)
4	CB033	Giải tích 1	1	3	3		45		
5	CB040	Triết học Mác-Lênin	1	3	3		45		
6	CB003	Đại số tuyến tính	2	2	2		30		
7	CB004	Pháp luật đại cương	2	2	2		30		
8	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45		CB023 (a)
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	2		30		CB040 (a)
10	TT092	Tin học căn bản	2	2	2		15	30	
11	CB006	Xác suất và thống kê	3	2	2		30		
12	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45		CB024 (a)
13	CB027	Hóa phân tích	3	2	2		30		CB010 (a) CB028 (b)
14	CB028	TT. Hóa phân tích	3	1	1			30	CB027 (b)
15	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30		CB041 (a)
16	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30		CB042 (a)
17	CB049	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	5	2		2	30		
18	CB012	Kỹ năng giao tiếp	5	2			30		
19	CB013	Con người và môi trường	5	2			30		
20	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30		CB043 (a)
21	QL009	Quản trị học đại cương	6	2		2	30		
22	QL030	Marketing căn bản	6	2			30		
Tổng					38	4			
Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất									
23	CB050	GDQP&AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (*)	HK phụ năm 1	2	2		37	8	
24	CB051	GDQP&AN2: Công tác quốc phòng - An ninh (*)		2	2		22	8	
25	CB052	GDQP&AN3: Quân sự chung (*)		2	2		14	16	
26	CB053	GDQP&AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (*)		2	2		4	56	
27	CB035	Giáo dục thể chất 1 (*)	HK phụ năm 1	1	1			45	
28	CB036	Giáo dục thể chất 2 (*)		1	1			45	
29	CB037	Giáo dục thể chất 3 (*)		1	1			45	
Tổng					11				
Kiến thức cơ sở ngành									
30	SH001	Sinh học đại cương A1	1	3	3		30	30	
31	SH002	Sinh học đại cương A2	2	2	2		30		SH001 (a)

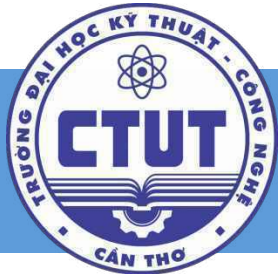
THI ỨNG DỤNG





TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
32	SH003	Nhập môn công nghệ sinh học	2	1	1		15		
33	SH004	Di truyền học đại cương	2	2	2		30		SH001 (a)
34	SH005	Di truyền học ứng dụng	3	2	2		30		SH004 (a)
35	SH006	Sinh hóa	3	3	3		30	30	CB010 (a)
36	TP009	Vi sinh đại cương	3	3	3		30	30	
37	SH007	Phương pháp phân tích vi sinh vật	4	3	3		30	30	TP009 (a)
38	SH008	Kỹ thuật phân tích và thiết bị	4	3	3		30	30	SH006 (a)
39	SH009	Thống kê sinh học	4	3	3		30	30	CB006 (a)
40	SH059	Thực tập thực tế nhập môn CNSH	4	1	1			45	
41	TP052	Nguyên lý các quá trình trong CNTP	4	2		4	30		
42	TP057	Nguyên lý bảo quản TP	4	2			30		
43	TP015	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	4	2			30		
44	SH012	Hóa sinh công nghiệp	4	2			30		CB010 (a) SH006 (a)
45	SH063	Nguyên liệu thủy sản	4	2			30		
46	SH013	Sinh lý thực vật	5	2	2		30		SH001 (a) SH002 (a)
47	SH014	Sinh lý động vật	5	2	2		30		SH002 (a)
48	TP010	Dinh dưỡng người và an toàn thực phẩm	5	3	3		45		SH006 (a)
49	CB011	Phương pháp nghiên cứu khoa học	5	2	2		30		
<b>Tổng</b>					<b>35</b>	<b>4</b>			
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>									
50	SH011	Anh văn chuyên ngành CNSH	5	2	2		30		
51	SH017	Sinh thái học	5	2	2		30		
52	SH021	Công nghệ vi sinh	6	3	3		30	30	TP009 (a)
53	SH022	Quá trình và thiết bị CNSH	6	2	2		30		SH006 (a) TP009 (a) SH007 (a)
54	SH023	Enzyme	6	3	3		30	30	SH006 (a)
55	TP024	Công nghệ lên men	6	3	3		30	30	TP009 (a)
56	SH027	Thực tập cơ sở CNSH	6	2	2			120	
57	SH053	Quản lý chất lượng sản phẩm	6	2	2		30		
58	SH054	Phát triển sản phẩm CNSH	6	2	2		30		
59	SH025	Bảo tồn đa dạng sinh học	7	2	2		30		
60	SH026	Sinh học phân tử	7	4	4		45	30	SH004 (a)
61	SH028	Công nghệ DNA tái tổ hợp	7	3	3		45		SH004 (a)
62	SH030	Tin sinh học	7	2	2		15	30	
63	SH010	Chuyên đề CNSH	7	2	2			90	
64	TP018	Hóa học thực phẩm	7	3	3		30	30	CB010 (a)

NG  
 Q  
 U  
 A  
 N  
 G  
 T  
 H



TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
65	SH052	Hóa học protein	7	2	2		30		CB010 (a)
66	TP048	Sản xuất sạch hơn	7	2	2		30		
67	SH029	Nuôi cấy mô và tế bào	8	3	3		30	30	SH001 (a) SH002 (a)
68	SH032	Miễn dịch học	8	2	2		30		
69	TP020	Phân tích thực phẩm	8	3	3		30	30	CB010 (a)
70	TP058	Công nghệ sinh học thực phẩm	8	2	2		30		
71	SH033	Vi sinh vật học thực phẩm	8	2			30		TP009 (a)
72	TP045	Enzyme trong CNTP	8	2			30		SH006 (a)
73	TP047	Thực phẩm chức năng	8	2			30		
74	TP033	Công nghệ sản xuất rượu, bia & NGK	8	2		6	30		TP052 (a) TP057 (a)
75	SH036	Ứng dụng công nghệ sinh học trong thủy sản	8	2			30		
76	SH055	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	8	2	2		30		
77	SH061	Khóa luận tốt nghiệp CNSH	9	10				450	
78	SH062	Thực tập tốt nghiệp CNSH	9	10				450	
79	SH035	Công nghệ sau thu hoạch nông sản	9	3			45		
80	SH048	Công nghệ xử lý chất thải	9	3		10	30	30	
81	SH034	Nấm ăn và nấm dược liệu	9	2			30		
82	SH049	Nhiên liệu sinh học	9	2			30		SH006
<b>Tổng</b>					<b>53</b>	<b>16</b>			

(\*): Học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

HIỆU TRƯỞNG

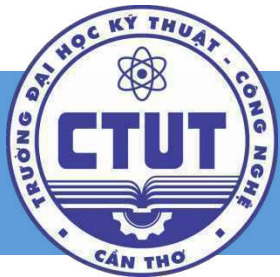


NGND. PGS. TS Huỳnh Thanh Nhã

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm ...  
KHOA CN SINH HÓA – THỰC PHẨM  
TRƯỞNG KHOA

TS. Đoàn Thị Kiều Tiên



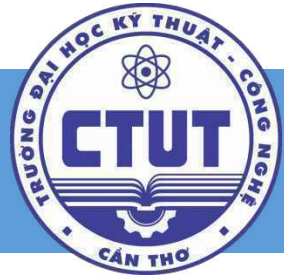


# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## HỌC PHẦN

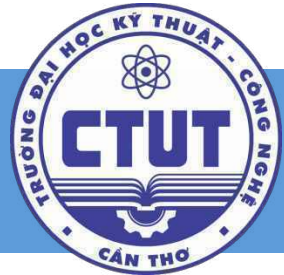
**Gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn:**

- *Học phần bắt buộc*: Là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và **bắt buộc sinh viên phải tích lũy**;
- *Học phần tự chọn*: Là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được **tự chọn theo hướng dẫn của trường** (thông qua cố vấn học tập) nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.



# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Học phần tiên quyết: Học phần X được gọi là tiên quyết của học phần Y, khi đăng ký học phần Y, sinh viên đã đăng ký học phần X ở học kỳ trước đó và thi đạt học phần X (đã tích lũy).
- Học phần học trước: Học phần X được gọi là học phần học trước của học phần Y, khi đăng ký học phần Y, sinh viên đã đăng ký học phần X ở học kỳ trước đó (có thể chưa tích lũy).
- Học phần song hành: Học phần X được gọi là học phần song hành của học phần Y, khi đăng ký học phần Y, sinh viên đã đăng ký học phần X ở học kỳ trước đó hoặc trong cùng học kỳ.

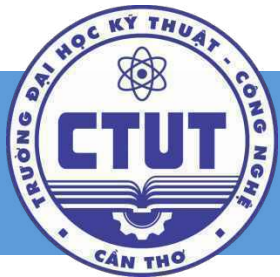


# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## QUY ĐỊNH TÍN CHỈ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. **Một tín chỉ** được quy định:

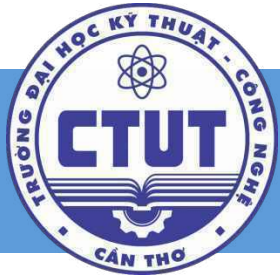
- 15 tiết học lý thuyết;
- Từ 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận;
- Từ 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở;
- Từ 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, luận văn tốt nghiệp, hoặc thực tập tốt nghiệp cuối khóa.



# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## THỜI GIAN HỌC TRÊN LỚP

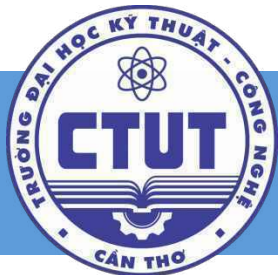
- Sinh viên phải có mặt **100% số giờ** đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài trường, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất;
- **Tối thiểu 80% số giờ** đối với các học phần lý thuyết. Sinh viên vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Cán bộ giảng dạy học phần đề nghị Khoa quản lý học phần duyệt danh sách sinh viên bị cấm thi và cho điểm F vào bảng điểm.



## Thời gian dạy học

Buổi học	Tiết	Từ	Đến	Thời gian nghỉ
<b>Sáng</b>	<b>1</b>	<b>7 giờ 00</b>	<b>7 giờ 50</b>	
	<b>2</b>	<b>7 giờ 50</b>	<b>8 giờ 40</b>	
	<b>3</b>	<b>8 giờ 40</b>	<b>9 giờ 30</b>	<b>15 phút</b>
	<b>4</b>	<b>9 giờ 45</b>	<b>10 giờ 35</b>	
	<b>5</b>	<b>10 giờ 35</b>	<b>11 giờ 25</b>	
<b>Chiều</b>	<b>6</b>	<b>13 giờ 20</b>	<b>14 giờ 10</b>	
	<b>7</b>	<b>14 giờ 10</b>	<b>15 giờ 00</b>	
	<b>8</b>	<b>15 giờ 00</b>	<b>15 giờ 50</b>	<b>15 phút</b>
	<b>9</b>	<b>16 giờ 05</b>	<b>16 giờ 55</b>	
	<b>10</b>	<b>16 giờ 55</b>	<b>17 giờ 45</b>	
<b>Tối</b>	<b>11</b>	<b>18 giờ 20</b>	<b>19 giờ 10</b>	
	<b>12</b>	<b>19 giờ 10</b>	<b>20 giờ 00</b>	
	<b>13</b>	<b>20 giờ 05</b>	<b>20 giờ 55</b>	

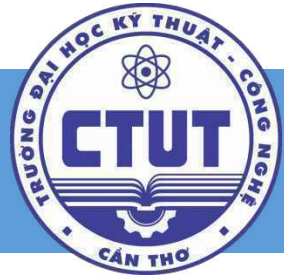




# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

**Thời gian và Kế hoạch đào tạo năm học:** *01 năm học có 02 học kỳ chính, 01 học kỳ phụ.*

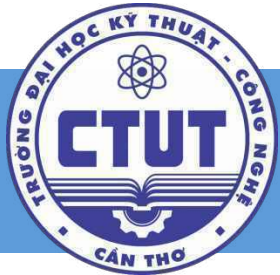
Loại hình đào tạo	Thời gian thiết kế	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
	Số năm	Số năm	Số năm
Cử nhân, chính quy ( <i>130 tc + 11 tc GDTC, GDQP-AN</i> )	4,0	3,5	8,0
Cử nhân, vừa làm vừa học	4,5	4,0	9,0
Kỹ sư, chính quy ( <i>150 tc + 11 tc GDTC, GDQP-AN</i> )	4,0 - 4,5	3,5 - 4,0	8,0 - 9,0
Kỹ sư, vừa làm vừa học	4,5 - 5,0	4,0 - 4,5	9,0 - 10,0



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## LỚP HỌC PHẦN

Được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ, trong cùng thời điểm. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. **Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn chuẩn tối thiểu thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học phần khác có lớp.**



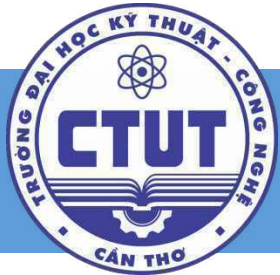
# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **Lớp sinh viên (Lớp danh nghĩa)**

Là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khóa của ngành đào tạo, thường được duy trì suốt khóa học. Trường hợp ngành có đông sinh viên sẽ được chia thành nhiều lớp sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một tên riêng gắn với ngành, khóa đào tạo, có cố vấn học tập, ban cán sự lớp, chi đoàn thanh niên, chi hội sinh viên.

## **Cố vấn học tập (CVHT)**

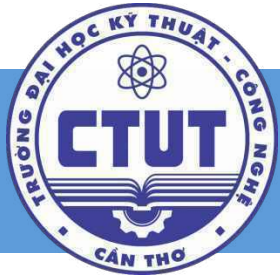
CVHT làm công tác quản lý và hướng dẫn sinh viên về học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa học. CVHT phải được phân công từ đầu khoá học.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **Đăng ký khối lượng học tập**

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ nhà Trường sẽ đăng ký lịch học cho sinh viên từng chương trình trong từng học kỳ theo kế hoạch, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết, điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần.

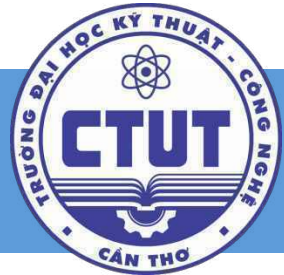


# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## KẾ HOẠCH HỌC TẬP

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Khoa chuyên ngành và cố vấn học tập định hướng sinh viên học phần sẽ học trong học kỳ đó. Thời điểm bắt đầu và kết thúc việc đăng ký học phần do nhà Trường lên kế hoạch học kỳ.

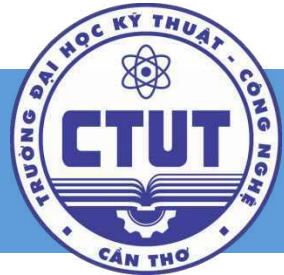




# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **KHỐI LƯỢNG TÍN CHỈ / HỌC KỲ**

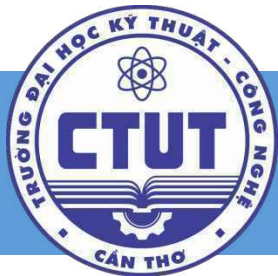
- Khối lượng học tập mỗi sinh viên đăng ký trong một học kỳ từ 15 tín chỉ đến 22 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học và học kỳ phụ theo kế hoạch học tập toàn khóa.
- Đối với Khóa mới nhập học, Phòng Đào tạo sẽ đăng ký những học phần của học kỳ I (16 tín chỉ).



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

**Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy, theo thang điểm 4 như sau:**

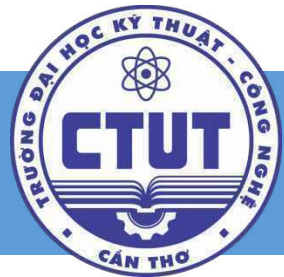
- Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
- Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
- Dưới 1,0: Kém.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## Rút bớt học phần đã đăng ký

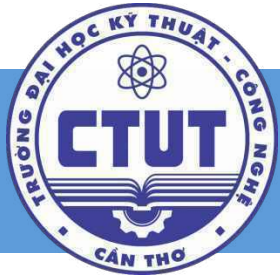
- **Chậm nhất trước 03 ngày khi bắt đầu học kỳ:** Trường sẽ chuyển học phí học phần sang học kỳ kế tiếp.
- **Chậm nhất là tuần lễ thứ 7 của học kỳ chính và tuần lễ thứ 2 của học kỳ phụ:** nếu nhận thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nhưng không được trả lại học phí.
- Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong hệ thống và nếu sinh viên không lên lớp học, coi như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## Đăng ký học lại

- Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A<sup>+</sup>, A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup> hoặc D.
- Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

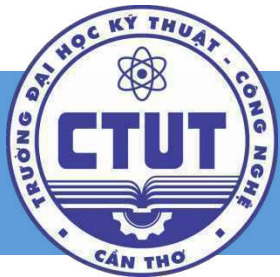


# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **Đăng ký học lại để cải thiện kết quả**

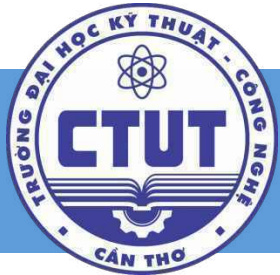
Các học phần đã tích lũy ở mức điểm D, D<sup>+</sup>, C, C<sup>+</sup>, B, B<sup>+</sup>, sinh viên có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm của học phần được tính vào điểm trung bình chung tích lũy sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Điểm của các lần học sẽ được thể hiện trên bảng điểm toàn khóa.





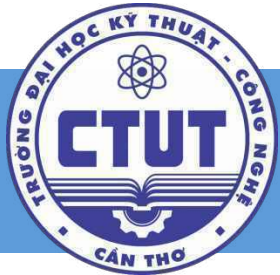
# KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Loại	Điểm hệ số 10	Điểm chữ	xếp loại
a) Loại đạt (tích lũy)	9,5 - 10	A <sup>+</sup>	Giỏi
	8,5 - 9,4	A	Giỏi
	8,0 - 8,4	B <sup>+</sup>	Khá
	7,0 - 7,9	B	Khá
	6,5 - 6,9	C <sup>+</sup>	Trung bình
	5,5 - 6,4	C	Trung bình
	5,0 - 5,4	D <sup>+</sup>	Trung bình yếu
	4,0 - 4,9	D	Trung bình yếu
b) Loại không đạt	Dưới 4,0	F	Kém



## Cách tính điểm trung bình chung

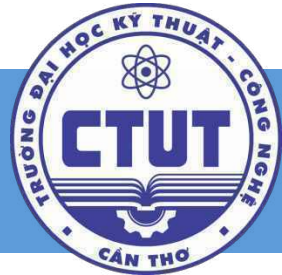
<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm hệ số 4</b>
<b>A<sup>+</sup></b>	<b>4,0</b>
<b>A</b>	<b>3,8</b>
<b>B<sup>+</sup></b>	<b>3,5</b>
<b>B</b>	<b>3,0</b>
<b>C<sup>+</sup></b>	<b>2,5</b>
<b>C</b>	<b>2,0</b>
<b>D<sup>+</sup></b>	<b>1,5</b>
<b>D</b>	<b>1,0</b>
<b>F</b>	<b>0,0</b>



# Phần 2

**Quy định đề án/khóa luận tốt nghiệp  
hoặc thực tập tốt nghiệp**

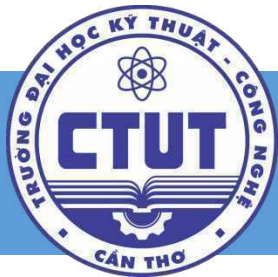
**Hoặc học phần chuyên môn tốt nghiệp**



## ĐỒ ÁN/KHOÁ LUẬN HOẶC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

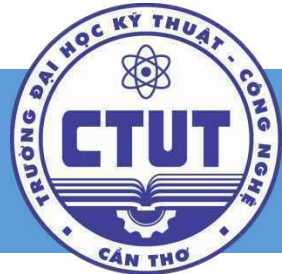
### **Sinh viên đăng ký học phần ĐATN/KLTN khi thỏa các điều kiện sau:**

- Tích lũy từ 94% trở lên số tín chỉ không thuộc học phần tốt nghiệp trong CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 trở lên (thang điểm 4,0);
- Không bị kỷ luật trong quá trình học tập;
- Còn trong thời hạn học tập theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của khoa/ngành (nếu có).



## ĐỒ ÁN/KHOÁ LUẬN HOẶC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

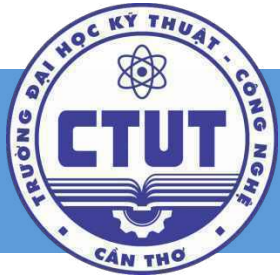
- Đồ án/khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp là công trình khoa học của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên môn để giải quyết các yêu cầu thực tiễn.
- Đồ án/khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp (10 tín chỉ).
- Học phần chuyên môn tốt nghiệp (10 tín chỉ).



## ĐỒ ÁN/KHOÁ LUẬN HOẶC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

### HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁNH GIÁ

- Mỗi sinh viên sẽ có 01 hoặc 02 cán bộ hướng dẫn.
- Hội đồng bảo vệ đồ án/khoá luận gồm: Chủ tịch hội đồng, thư ký, cán bộ phản biện.

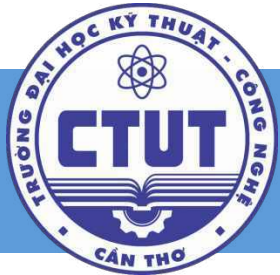


# XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

**Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:**

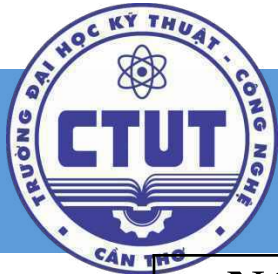
- a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Nhà trường;
- c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (*theo thang điểm 4*);
- d) Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;





## **Phần 3**

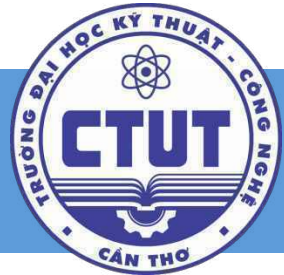
# **Quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**



# CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

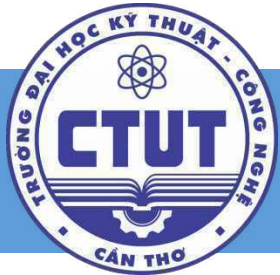
NGOẠI NGỮ	CHỨNG CHỈ	MỨC ĐỘ TỐI THIỂU
Tiếng Anh	<b>TOEIC</b>	<b>450</b>
	<b>Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Được Bộ GD&amp;ĐT cấp phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ)</b>	<b>Bậc 3 (B1)</b>
	<b>CEFR</b>	<b>B1</b>
	<b>IELTS</b>	<b>4.5</b>
	<b>TOEFL ITP</b>	<b>450</b>
	<b>TOEFL iBT</b>	<b>45</b>
Tiếng Pháp	<b>DELF</b>	<b>B1</b>
Tiếng Trung	<b>HSK</b>	<b>Cấp 3</b>
Tiếng Nga	<b>TRKI</b>	<b>B1</b>
Tiếng Nhật	<b>JLPT</b>	<b>N4</b>

Nếu sinh viên có chứng nhận năng lực tiếng Anh CTUT do Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ cấp



# CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

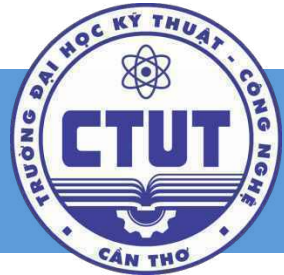
**Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản:** Do Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ hoặc Trường Đại học Cần Thơ cấp  
*(Trừ trường hợp sinh viên học các chuyên ngành đào tạo về Công nghệ thông tin).*



# **Phần 4**

## **Hạng tốt nghiệp**

### **Và thời gian trao bằng**

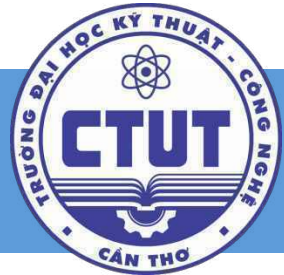


# HẠNG TỐT NGHIỆP

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

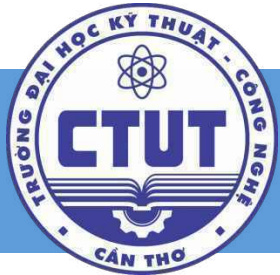




## THỜI GIAN TRAO BẰNG TỐT NGHIỆP

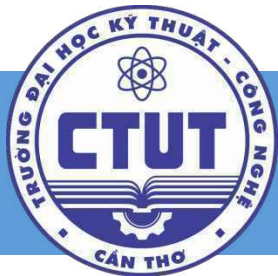
Trường tổ chức xét và trao bằng tốt nghiệp vào tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12.

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được nhận quyết định công nhận tốt nghiệp, bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng tốt nghiệp. Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần. Trường hợp bằng tốt nghiệp bị mất hoặc bị hỏng, sinh viên nộp đơn cho Phòng Đào tạo đề nghị cấp “**Bản sao**” bằng tốt nghiệp.



# **Phần 5**

## **Hướng dẫn sử dụng phần mềm**



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

**Bước 01:** Truy cập: [www.ctuet.edu.vn](http://www.ctuet.edu.vn) -> Cổng thông tin -> Sinh viên, phụ huynh

## TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Phương thức xét tuyển

- Xét kết quả học bạ
- Xét kết quả thi THPT
- Tuyển thẳng
- Xét kết quả kỳ thi năng lực



### Cổng thông tin

- Sinh viên, phụ huynh
- Học sinh, sinh viên
- Day học trực tuyến
- Thư viện trường
- Đoàn thể sinh viên



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

**Bước 02:** Đăng nhập tài khoản học tập cá nhân



## CỔNG THÔNG TIN SINH VIÊN

### ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Nhập mã sinh viên

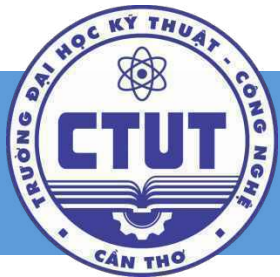
Nhập mật khẩu

☐ Đã tốt nghiệp

Nhập mã



ĐĂNG NHẬP



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

## Thông tin sinh viên



Xem chi tiết

MSSV: 1800863

Họ tên: Nguyễn Văn Chuyển Trường

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/03/2019

Nơi sinh: Tỉnh Bình Thuận

Lớp học: CDT0121

Khóa học: 2021

Bậc đào tạo: Đại học chính quy

Loại hình đào tạo: Chính quy

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Nhắc nhở mới, chưa xem

0

Xem chi tiết



Lịch học trong tuần

0

Xem chi tiết



Lịch thi trong tuần

0

Xem chi tiết



Chương trình  
khung



Thông tin sinh  
viên



Kết quả học tập



Lịch theo tuần



Lịch theo tiến độ



Đăng ký học  
phần



Tra cứu công nợ



Thanh toán trực  
tuyến



Phiếu thu tổng  
hợp

## Đăng ký học phần

Chọn đợt đăng ký

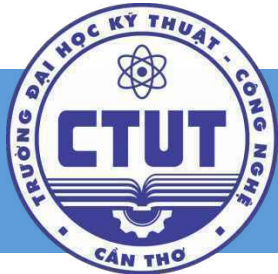


☒ Học mới

☐ Học lại

☐ Học cải thiện

**Bước 03:** Sinh viên chọn đăng ký học phần -> Chọn đợt đăng ký (học kỳ) -> Chọn đăng ký học mới, học lại, học cải thiện.



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

## | Môn học/học phần đang chờ đăng ký

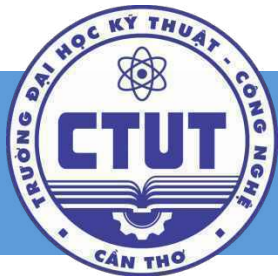
	STT	Mã học phần	Tên môn học/học phần	TC	Bắt buộc	học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
<input type="radio"/>	1	0101000536	Anh văn căn bản 1	4	✓	
<input type="radio"/>	2	0101000538	Vật lý 1	2	✓	000713 - Anh văn căn bản 2
<input type="radio"/>	3	0101000540	Anh văn căn bản 3	1	✓	000713 (a)
<input type="radio"/>	4	0101001203	Hệ thống nhúng	2	✗	001699 (a)

**Bước 04:** Chọn học phần cần đăng ký.

*Lưu ý:*

+ Cột “Bắt buộc” nếu có dấu ✓ là học phần bắt buộc, dấu ✗ là học phần tự chọn.

+ Để con trỏ chuột ngay vị trí mã học phần học trước(a), tiên quyết (b), song hành (c) để hiển thị tên học phần.



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

| Lớp học phần chờ đăng ký

| Chi tiết lớp học phần

☐ HIỂN THỊ LỚP HỌC PHẦN KHÔNG TRÙNG LỊCH

Xem lịch trùng

STT	Thông tin lớp học phần	Đã đăng ký
1	<b>Pháp luật đại cương</b> Trạng thái: <b>Chỉ đăng ký</b> Mã lớp học phần: 010100053301 - KHDL0119	50 / 100
2	<b>Pháp luật đại cương</b> Trạng thái: <b>Đã khóa</b> Mã lớp học phần: 010100053311 - NNA0121	0 / 140
3	<b>Pháp luật đại cương</b> Trạng thái: <b>Đã khóa</b>	0 / 140

Trạng thái: <b>Chỉ đăng ký</b>	Sĩ số tối đa: 100
Lịch học: LT - Thứ 4 (Tiết 8 -> 10 ) Cơ sở: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ Dãy nhà: KHU C - 1 trệt 6 lầu Phòng: C505	GV: Nguyễn Thu Hương 15/09/2021 - 17/11/2021

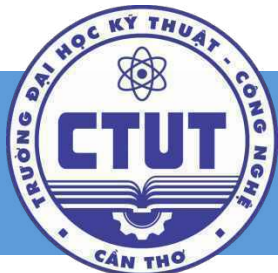
Đăng ký

## Bước 05: Chọn lớp học phần và bấm đăng ký

Lưu ý:

- Sinh viên xem kỹ thông tin lớp học phần (trạng thái lớp học phần, thời gian học, số lượng đăng ký, nhóm học, ...)
- Các trạng thái lớp học phần:
  - Đang lên kế hoạch: đang trong giai đoạn lên lịch học, sinh viên chỉ xem được.
  - Mở lớp: được tự do đăng ký và hủy đăng ký nhưng chưa đóng học phí được.
  - Chỉ đăng ký: được đăng ký nhưng không được hủy đăng ký, có thể đóng học phí.
  - Đã khóa: không được đăng ký hoặc hủy đăng ký, có thể đóng học phí.





# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET



Lớp học phần đã đăng ký trong học kỳ này

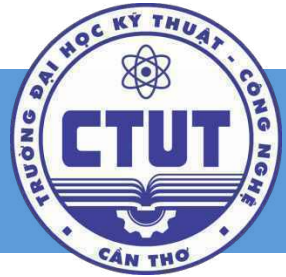


phần	Tên môn học/học phần	Lớp học dự kiến	TC	Nhóm TH	Học phí	Hạn nộp	Thu	Trạng thái ĐK	Ngày ĐK	Trạng thái Lớp học phần		
59	Mô hình hóa hệ thống cơ khí	CDT0118	2		540.000	10/09/2021	✗	Đăng ký mới	06/09/2021	Chỉ đăng ký	Xem	Hủy
97	Sử dụng năng lượng hiệu quả	DIEN0118	2		540.000	10/09/2021	✗	Đăng ký mới	06/09/2021	Chỉ đăng ký	Xem	Hủy

## Bước 06: Kiểm tra thông tin các lớp học phần đã đăng ký

Lưu ý:

- Cột học phí là số tiền sinh viên cần phải nộp cho từng học phần.
- Thời hạn nộp học phí.
- Trạng thái học phí cột “thu” nếu có dấu  là đã hoàn thành học phí, nếu có dấu  là chưa hoàn thành học phí.
- Nút “Xem”: xem lịch học lớp học phần đã đăng ký.
- Nút “Hủy”: hủy đăng ký lớp học phần (chỉ hủy đăng ký khi lớp học phần ở trạng thái “mở lớp” và chưa hoàn thành học phí).



**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**